

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 5 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 - 4 - 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1983; nơi ĐKNKTT: 6B đường Đ, khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm 1971; nơi ĐKNKTT: Xã P, huyện P, tỉnh A; tạm trú: 6B khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày:

Bà Phạm Thị Hồng N và ông Hồ Văn M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh B ngày 01-6-2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm sau khi sinh con đầu tiên thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông M không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn kinh tế, thường xuyên ăn nhậu, một mình bà N phải lo mọi việc trong nhà, kiếm tiền trả nợ và nuôi con nhỏ. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì ông M lại bỏ nhà đi, một mình bà N phải lo liệu cho gia đình, con cái. Đến năm 2014 bà N phát hiện ông M có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vào khoảng tháng 10-2017 sau khi xây nhà ở cho gia đình thì mâu thuẫn giữa ông M và bà N lại càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng ông M vẫn không thay đổi do đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 11-2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông M, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Bích N, sinh ngày 16-4-2005 và Hồ Ngọc T, sinh ngày 26-7-2011. Khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Sổ hộ khẩu hộ khẩu, sổ tạm trú; giấy chứng minh nhân dân của bà N, ông M; giấy đăng ký kết hôn; giấy khai sinh con chung.

+ Trong bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2018 bị đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà N trình bày. Ông M thừa nhận trước đây có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng hiện nay không còn. Do vẫn còn yêu thương vợ và hai con nên ông M không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N và bị đơn ông Hồ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh B theo Giấy đăng ký kết hôn số 143/2004 quyển số 01/2004 ngày 01-6-2004 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra nên bà thường cố gắng chịu đựng để cuộc sống gia đình hòa hợp, lo cho con ăn học nên bà không làm lớn chuyện, ảnh hưởng đến những người thân hai bên gia đình nhưng ông M không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11-2017 đến nay.

Ông M không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn vì cho rằng còn thương yêu vợ con nhưng ông M không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải cũng như không đến tham gia phiên tòa để Hội đồng xét xử xét xử hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện ông M không có thiện chí quay về đoàn tụ, xây dựng gia đình.

Vào tháng 12-2013 bà N đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên vì muốn cho ông M cơ hội sửa chữa, hai vợ chồng có cơ hội hàn gắn nên bà N đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định đình chỉ số 03/2014/QĐST-HNGĐ ngày 07-01-2014. Tuy nhiên, ông M vẫn không quay về nên vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông M.

Theo bản sao giấy khai sinh số 162/2005 ngày 20-4-2005 và số 498/2011 ngày 05-9-2011 của Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh B thì bà N, ông M có 02 con chung tên Hồ Thị Bích N, sinh ngày 16-4-2005 và Hồ Ngọc T, sinh ngày 26-7-2011. Theo bà N và các con chung trình bày thì trong quá trình chung sống, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông M lại bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con, một mình bà N phải vừa làm việc vừa chăm lo cho các con. Do đó khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu cũng

như nguyện vọng của các con chung, giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông M.

Về con chung: Giao 02 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Hồ Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng N được ly hôn với ông Hồ Văn M.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Hồ Thị Bích N, sinh ngày 16-4-2005 và Hồ Ngọc T, sinh ngày 26-7-2011 cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0023176 ngày 27-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- UBND phường L, thị xã T, tỉnh B;
- Phòng Tư pháp thị xã T;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Thi